

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng hàng không Thọ Xuân - Hạng mục: Nhà ga hành khách, hệ thống đèn tín hiệu hàng không và thiết bị hạ cánh chính xác ILS của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 368/CV-CHKTX ngày 10/5/2023, số 325/CHKTX ngày 26/6/2023 của Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cảng hàng không Thọ Xuân tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1055/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, địa chỉ tại Sân bay Sao Vàng, thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Cảng hàng không Thọ Xuân” tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Cảng hàng không Thọ Xuân.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0311638525-024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 25/4/2016.

1.4. Mã số thuế: 0311638525-024.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Vận tải hàng không.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 462.572,1 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất cơ sở: 1,2 triệu hành khách/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 10 tháng 9 năm 2023 đến ngày 10 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thọ Xuân;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ga hành khách, khu làm việc của CBCNV gồm: nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện); nước rửa tay chân, tắm giặt lưu lượng 50 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực căng tin, các khu dịch vụ ăn uống, lưu lượng 10 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ nước nằm trong khu đất của Cơ sở thuộc địa bàn thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (hồ đào tự nhiên, đáy và thành xung quanh bằng đất, có dung tích chứa khoảng 5.000m³).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Từ bể chứa nước thải sau xử lý, tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2200369 (m); Y = 0549731.

- Yêu cầu về điểm xả nước thải sau xử lý: Có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm tự động (kiểm soát bằng đồng hồ đo lưu lượng) qua đường ống nhựa dẫn nước thải ra hồ nằm trong khuôn viên khu đất của cơ sở trước khi chảy ra Suối Rào phía Đông Nam cơ sở.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn, chu kỳ xả 4 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1.000		
5	Sunfua	mg/l	4,0		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể kỵ khí → Bể thu gom chung → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 65 m³/ngày.đêm → Hồ nước → Suối Rào.

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ → Bể thu gom chung → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 65 m³/ngày.đêm → Hồ nước → Suối Rào.

- Nước thải nhà ăn, căng tin, khu dịch vụ → Bể tách dầu mỡ, kích thước → Bể thu gom chung → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 65 m³/ngày.đêm → Hồ nước → Suối Rào.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể thu gom chung → Bồn chứa → Bể kỵ khí → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ nước → Suối Rào.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Đường, Clorin (hoặc các hóa chất khác tương đương) đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định theo tiêu chuẩn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải:

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý (máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí ...); định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành; tuân thủ yêu cầu về thiết kế và vận hành;

+ Khi xảy ra sự cố: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị, thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp rò rỉ, vỡ đường ống do tác động ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố; (3) trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, dinh dưỡng, nuôi cấy vi sinh.

+ Hàng ngày kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 3, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 65 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể thu gom chung nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 65 m³/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra: Tại hồ nước, vị trí điểm tiếp nhận nước thải sau xử lý trước khi bơm dẫn qua đường ống nhựa thải ra hồ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn 14:2008/BTNMT (Cột B, k=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu ra Quy chuẩn 14:2008/BTNMT (Cột B, k=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: lưu lượng đầu vào và đầu ra, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng...).

3.5. Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, cơ sở phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thọ Xuân để được hướng dẫn, giải quyết; Chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục 2
NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NGUỒN PHÁT SINH, DÒNG KHÍ VÀ VỊ TRÍ XẢ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2.
- Nguồn số 03: Khí thải từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Khí thải từ khu nhà ăn và khu nhà dịch vụ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải khí thải số 01: Tương ứng với dòng khí thải số 01 được thu gom, xử lý qua thiết bị tích hợp theo máy phát điện thải qua ống khói cao 4m ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải X= 2200587; Y=0549443 (m).

- Vị trí xả khí thải số 02: Tương ứng với dòng khí thải số 02 được thu gom, xử lý qua thiết bị tích hợp theo máy phát điện thải qua ống khói cao 4m ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải X= 2200586; Y=0549440 (m).

- Vị trí xả khí thải số 03: Thoát tự nhiên tại khu xử lý nước thải, tọa độ vị trí thoát khí X = 2200365 (m); Y = 0549730.

- Vị trí xả khí thải số 04: Tại khu vực bếp ăn, qua chụp hút, ống thoát khí ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải X= 2200431; Y=0549473 (m).

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)

Các vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Cảng hàng không Thọ Xuân tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.640 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.640 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Không xác định.
- Dòng khí thải số 04: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Các dòng khí thải số 01 và số 02: Xả không thường xuyên, chỉ xả khi vận hành máy phát điện dự phòng.

- Các dòng khí thải số 03, số 04: Khí thải từ khu vực xử lý nước thải, khu vực bếp ăn, khu dịch vụ xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, số 02: Được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý khí thải tích hợp theo máy phát điện qua ống khói cao 4m ra môi trường.

- Nguồn số 03: Được thu gom qua ống thoát khí cao khoảng 0,5m thoát tự nhiên ra môi trường.

- Nguồn số 04: Được thu gom qua chụp hút, qua ống dẫn khí ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Máy phát điện sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO là nhiên liệu sạch nên không có hệ thống xử lý khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố: Không thuộc đối tượng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Xả khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép.

3.2. Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của các tàu bay, phương tiện hỗ trợ bay.
- Nguồn số 02: Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải.
- Nguồn số 03: Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực đường bay, tọa độ X = 2200811; Y = 0549841.
- Nguồn số 02: Tại khu vực bãi xe, tọa độ X = 2200348; Y = 0549509.
- Nguồn số 03: Tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung, tọa độ X = 2200365; Y = 0549730
- Nguồn số 04: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ X = 2200587; Y=0549443

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải NH	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	170203	670
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng đựng dầu nhớt thải)	180103	24
3	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	150102	105
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	180201	60
5	Ắc quy chì thải	190601	137
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	08
Tổng số lượng			1.004

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải NH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải	1.250
2	Chất thải rắn thông thường khu vực văn phòng, hoạt động cải tạo, bảo dưỡng các hệ thống, thiết bị, phương tiện,...	520
Tổng khối lượng		1.770

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Loại chất thải NH	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	14,6
Tổng khối lượng		14,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 Thùng phuy 200 lít/thùng đựng nhớt thải; 01 thùng 60 lít đựng bóng đèn hư hỏng, mực in; 02 thùng 60 lít đựng giẻ lau dính dầu; được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, để tại kho lưu chứa.

2.1.2. Khu vực lưu chứa là nhà thu gom rác có diện tích 10 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Nhà lưu giữ chất thải rắn thông thường: Có diện tích 40 m², có mái che, tường bao quanh và được chia làm 03 khoang (khoang chứa rác thải sinh hoạt 20m², khoang rác thải tái chế 10m², khoang lưu giữ chất thải nguy hại 10m²).

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Chính phủ./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.